

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX- ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Mạnh D**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số nhà xx, tổ x, khu x, phường Bn, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Mạnh D, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Anh D có mặt, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Mạnh Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/5/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh Đ ở thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau đó anh chị thuê nhà ở thành phố U, tỉnh Quảng Ninh để sinh sống cho phù hợp với điều kiện làm việc của anh. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau từ suy nghĩ đến việc làm, từ việc lớn đến việc nhỏ và nhất là cách chi tiêu kinh tế, tài chính trong gia đình. Vợ chồng vì thế mà thường xuyên bất hòa. Đến tháng 7/2016, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị L đã đưa con đi thuê chỗ ở riêng, anh và bố mẹ anh có nhiều lần tìm gọi nhưng chị L không về chung sống cùng anh. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn liên hệ hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai bên không ai còn ý định hàn gắn mâu thuẫn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Mạnh P, sinh ngày 24/6/2016. Hiện nay, cháu đang ở với chị L. Ly hôn, anh cũng có nguyện vọng muốn nuôi con, nhưng do con còn nhỏ, chưa đủ 3 tuổi, chị L cũng xin được trực tiếp nuôi con nên anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi. Việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến gì. Hiện tại anh đang ở nhà chưa xin được việc làm.

Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Đơn trình bày ý kiến đề ngày 18/6/2018 gửi cho Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị và anh Đ đúng như anh Đ trình bày. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh Đ ngày càng trầm trọng nên chị đã quyết định đưa con ra sống ở chỗ khác, ly thân với anh Đ từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ có đơn xin ly hôn chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Chị và anh Đ có 01 con chung là Phạm Mạnh P, sinh ngày 24/6/2016, hiện nay, cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có đủ khả năng, điều kiện để nuôi con tốt vì hiện chị có công ăn việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Phạm Mạnh D (là bố đẻ của anh Đ) thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đúng như anh Đ trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia

đình ông ở thôn P, xã V, huyện V một thời gian thì thuê nhà trọ ở thành phố U, tỉnh Quảng Ninh để gần chỗ làm của anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Gia đình, họ hàng hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, liên lạc từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, ông xác định vợ chồng Đ, L không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về quan hệ con chung: Gia đình ông muốn được trực tiếp nuôi cháu P nhưng chị L cũng có nguyện vọng xin nuôi con, chị L có việc làm, có thu nhập ổn định nên nếu Tòa án giao con cho chị L nuôi cũng đảm bảo.

**/*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có văn bản thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho anh Đ và chị L được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Mạnh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị L và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: phường B, Thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nhưng chị L, anh Đ đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, tình cảm vì thế mà rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế từ năm 2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị L là có thật, đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Phạm Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị L được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là Phạm Mạnh P, sinh ngày 24/6/2016. Tính đến ngày xét xử, con Phạm Mạnh P dưới 36 tháng tuổi, chị L nuôi con chung từ khi còn nhỏ đến nay, nên khi ly hôn, cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của chị L, ổn định cuộc sống của cháu p. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Mạnh Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Mạnh Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Phạm Mạnh P, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Mạnh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh Phạm Mạnh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002926

ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Phạm Mạnh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/7/2018.

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương